

Số: 346/TB-TVD

Uông Bí, ngày 27 tháng 02 năm 2026

**THÔNG BÁO**  
**Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026**  
**Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin**

---

Kính gửi: Các cổ đông Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin ;  
Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT ngày 23/01/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Vàng Danh- Vinacomin;  
Căn cứ các điều kiện tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026;  
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Vàng Danh- Vinacomin triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 với các nội dung như sau:

**1. Thời gian, địa điểm :**

- Thời gian: Từ 9h00 ngày 25 tháng 03 năm 2026;
- Địa điểm: Tại Hội trường, Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin, số 969 đường Bạch Đằng, phường Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh.

**2. Thành phần tham dự Đại hội:**

- Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty ;
- Các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 (*Danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 được chốt vào ngày 23 tháng 02 năm 2026*).

**3. Nội dung Đại hội:**

- Đại hội thảo luận, biểu quyết thông qua các nội dung sau:  
(i) Thông qua việc quyết định đầu tư đối với dự án khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175, mỏ than Vàng Danh.

**4. Đăng ký tham dự Đại hội:**

4.1. Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông gửi giấy xác nhận việc tham dự, hoặc ủy quyền tham dự tới Ban tổ chức Đại hội cổ đông qua đường bưu điện, fax, email trước 16 giờ 00 phút, ngày 22/3/2026 theo địa chỉ sau:

- Văn phòng Công ty cổ phần Than Vàng Danh- Vinacomin: số 969 đường Bạch Đằng, phường Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh;
- Số điện thoại: 0203 3573 385 ; Số fax : 0203 3853 120; Email : [hoathukyqn@gmail.com](mailto:hoathukyqn@gmail.com); Số DD: 0936.464.482 (Ông Bùi Ngọc Đức, Thư ký Công ty);


4.2. Cổ đông đăng ký bằng fax hoặc điện thoại, mail... nhưng khi đến dự Đại hội xin vui lòng mang theo Thẻ căn cước công dân/CMND/hộ chiếu, giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền dự họp).

4.3. Ngoài chương trình nêu trên, các cổ đông có thể tải mẫu giấy xác nhận hoặc mẫu giấy ủy quyền tham dự Đại hội và tham khảo tài liệu trên địa chỉ website của Công ty (<https://vangdanhcoal.com.vn>). Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2

Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

**\* Tài liệu gửi kèm theo thông báo này gồm:**

- Chương trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026;
  - (Mẫu) Giấy xác nhận tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026;
  - (Mẫu) Giấy ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026
- kèm theo danh sách giới thiệu đại biểu để cổ đông có thể xem xét ủy quyền tham dự Đại hội.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin trân trọng thông báo mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty. 

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Website của Công ty;
- HĐQT, BKS (e-copy);
- Lưu: VT, Hồ sơ Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Dũng**

**\* Ghi chú:** Cổ đông, người được ủy quyền tự chi trả các chi phí đi lại, ăn, ở và các chi phí khác khi dự Đại hội.

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH - VINACOMIN**  
**(Tổ chức 9h00' ngày 25 tháng 03 năm 2026)**

TT	Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
1.	9:00-9h15	Đón tiếp đại biểu, kiểm tra tư cách cổ đông, hướng dẫn đăng ký và phát tài liệu	Ban kiểm tra tư cách đại biểu; NV FPT
2.	9:15- 9h25	Khai mạc: - Chào cờ - Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; - Giới thiệu Chủ tọa Đại hội	Thư ký Công ty
3.	9h25-9h30	Giới thiệu và xin ý kiến biểu quyết nhân sự: - Ban thư ký đại hội gồm: ông Bùi Ngọc Đức - Thư ký Công ty; - Ban kiểm phiếu: Bà Nguyễn Thị Thủy Dịu làm Trưởng Ban và các nhân viên Công ty CP Chứng khoán FPT;	Chủ tọa Đại hội
4.	9h30-9h45	- Trình bày chương trình Đại hội; - Trình bày Quy chế Đại hội; - Trình bày Thể lệ biểu quyết;	Thư ký Đại hội
5.	09h45-10h00	- Biểu quyết thông qua chương trình Đại hội; - Biểu quyết thông qua quy chế Đại hội; - Biểu quyết thông qua Thể lệ biểu quyết;	Chủ tọa Đại hội
6.	10h00-10h15	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội (ông Phùng Thế Anh - Trưởng Ban và nhân viên Công ty CP Chứng khoán FPT)	Trưởng ban kiểm tra tư cách đại biểu
7.	10h15-10h20	Trình bày Tờ trình về việc thông qua quyết định đầu tư đối với dự án khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175, mỏ than Vàng Danh.	Ông Hồ Quốc-Thành viên HĐQT
8.	10h20-10h25	Hướng dẫn biểu quyết tại Đại hội và thực hiện biểu quyết tại Đại hội	Chủ tọa Đại hội
9.	10h25-10h30	Công bố kết quả biểu quyết	Trưởng ban kiểm phiếu
10.	10h30-10h40	Trình bày dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội	Thư ký ĐH
11.	10h40-10h50	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	Chủ tọa Đại hội
12.	10h50 -11h10	Bế mạc Đại hội	Chủ tọa

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 2026

**GIẤY XÁC NHẬN**

*Tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026  
Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin*

**Kính gửi:** Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Tên cổ đông (hoặc đại diện tổ chức): .....

Địa chỉ: .....

Số CCCD (hoặc hộ chiếu) ..... Ngày cấp .....

Nơi cấp: .....

(Hoặc) Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: .....

do ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm .....

Điện thoại: ..... Fax ..... Email.....

Mã số cổ đông: ..... ; Sở hữu: ..... cổ phần phổ thông

Tôi/ Chúng tôi đã nhận được thông báo mời dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin, nay xác nhận sẽ tham dự Đại hội theo hình thức sau đây:

• **TRỰC TIẾP THAM DỰ ĐẠI HỘI** ☐

• **UỶ QUYỀN CHO NGƯỜI ĐẠI DIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI** ☐

*(Có giấy uỷ quyền kèm theo)*

Trân trọng thông báo để Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông biết và tổng hợp./.

**Chữ ký của cổ đông**

**\* Ghi chú:**

- Đề nghị quý vị cổ đông đánh dấu (x) vào ô tương ứng
- Nếu uỷ quyền cho người khác dự, xin vui lòng gửi kèm theo Giấy uỷ quyền cho Công ty

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**GIẤY ỦY QUYỀN**  
**V/v tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026**  
**Công ty CP Than Vàng Danh- Vinacomin**

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông - Công ty CP Than Vàng Danh

Tên cổ đông: .....  
Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức): .....  
CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN số: ..... cấp ngày: ..... tại: .....;  
Địa chỉ: .....  
Tổng số cổ phần đại diện hoặc sở hữu: ..... cổ phần (Bằng chữ: .....  
..... cổ phần)

*(Cổ đông chọn một trong hai mục dưới đây, đánh dấu vào ô thích hợp)*

**1. ỦY QUYỀN CHO CÁ NHÂN** ☐

**2. ỦY QUYỀN CHO HĐQT** ☐

Thông tin người nhận ủy quyền:

Tên cá nhân/tổ chức: ..... Mã số cổ đông (nếu có) .....  
CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN số: ..... cấp ngày: ..... tại: .....  
Địa chỉ: .....  
Số cổ phần ủy quyền: ..... Cổ phần (Bằng chữ: .....  
.....)

**Lưu ý:** Trong trường hợp cổ đông không thể tham dự và không ủy quyền được cho người khác, quý cổ đông vui lòng ủy quyền cho thành viên HĐQT, Ban Giám đốc của Công ty theo danh sách dưới đây:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đánh dấu chọn	Số cổ phần ủy quyền
1.	Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT		
2.	Ông Hồ Quốc	Thành viên HĐQT-Giám đốc Công ty		
3.	Ông Nguyễn Bá Quang	TV độc lập HĐQT		
4.	Ông Trần Văn Thức	Thành viên HĐQT		
5.	Ông Trịnh Văn An	Thành viên HĐQT		

*(Vui lòng đánh dấu (X) bên cạnh tên thành viên mà quý cổ đông chọn ủy quyền và ghi rõ số lượng cổ phần ủy quyền cho từng thành viên).*

**Nội dung ủy quyền:**

- Bên nhận ủy quyền được thay mặt cho Bên ủy quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin để thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

- Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ của Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin và không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

**\* Lưu ý:**

- Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền số lượng cổ phần sở hữu của mình và/hoặc của bên ủy quyền cho người khác.

- Nếu bên ủy quyền hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của đại diện pháp luật và dấu của tổ chức.

- Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi là giấy ủy quyền Bản chính có chữ ký của hai bên, nếu bên ủy quyền hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của đại diện pháp luật và dấu của tổ chức. Giấy ủy quyền này sẽ hết giá trị khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin kết thúc.

**Cổ đông/ Bên ủy quyền**

Ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm 2026  
**Bên nhận ủy quyền**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
THAN VÀNG DANH - VINACOMIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Uông Bí, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Dự thảo

**QUY CHẾ LÀM VIỆC**  
**Tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026**  
**Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các luật sửa đổi có liên quan;  
Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các luật sửa đổi có liên quan;  
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy  
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi Nghị định có  
liên quan;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin,*

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty CP Than Vàng Danh -  
Vinacomin được tổ chức và thực hiện theo Quy chế này.

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Mục đích và yêu cầu**

1. Mục đích: Để Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 làm việc đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin (sau đây viết tắt là Công ty) nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty và của cổ đông.

2. Yêu cầu: Nội dung Quy chế đảm bảo nguyên tắc không trái pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi áp dụng: Quy chế này được áp dụng trong thời gian tổ chức họp đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty.

2. Đối tượng áp dụng: Bao gồm các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền và các thành phần khác được mời dự họp Đại hội.

**Chương II**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 3. Điều kiện dự họp Đại hội**

Là cổ đông của Công ty có tên trong danh sách do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) chốt ngày 23/02/2026; người đại diện do một cổ đông hoặc nhóm cổ đông ủy quyền và những thành phần khác được mời dự họp.

**Điều 4. Quyền, nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền dự họp đại hội (sau đây viết tắt là Người dự họp)**

## 1. Quyền:

*Người dự họp có các quyền cơ bản sau:*

- a) Được trực tiếp họp đại hội; thảo luận, phát biểu ý kiến và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền nội dung Đại hội;
- b) Được nhận 01 **“Thẻ biểu quyết”**, 01 **“Phiếu biểu quyết”** và tài liệu phục vụ cho việc thảo luận, phát biểu và biểu quyết. Tài liệu được đóng dấu treo của Công ty.
- c) Người dự họp đến muộn có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.
- d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## 2. Nghĩa vụ:

*Người dự họp có nghĩa vụ cơ bản sau.*

- a) Người dự họp phải mang theo Căn cước công dân, Hộ chiếu...; Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);
- b) Khi vào phòng họp Đại hội, Người dự họp hoặc người phiên dịch (nếu có) phải tuyệt đối tuân thủ sự sắp xếp của Ban tổ chức, ngồi đúng vị trí theo Mã số cổ đông do Ban tổ chức dán sau ghế.
- c) Không hút thuốc hoặc sử dụng chất kích thích khác trong phòng họp Đại hội và không dự họp Đại hội trong tình trạng say rượu hoặc bị ảnh hưởng của chất kích thích khác đến mức không làm chủ hành vi của mình.
- d) Không nói chuyện riêng, không làm việc riêng, không thực hiện những hành vi gây mất trật tự hoặc có hành vi khác gây trở ngại cho quá trình diễn ra đại hội... không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội (*tất cả các máy điện thoại di động phải đặt chế độ rung hoặc tắt máy*). Trường hợp do sự kiện bất khả kháng hoặc phát sinh việc cá nhân, thì xin ý kiến Chủ tọa để ra ngoài phòng họp.
- e) Chỉ phát biểu tại Đại hội về những nội dung có trong Chương trình Đại hội.
- g) Thông báo cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông nếu không tiếp tục tham gia họp Đại hội.
- h) Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội.

## **Điều 5. Sử dụng “Thẻ biểu quyết”, “Phiếu biểu quyết” để thông qua nội dung tại Đại hội**

### 1. Thẻ biểu quyết

1.1. Một số nội dung trong chương trình của Đại hội được Đại hội thảo luận biểu quyết công khai bằng “Thẻ biểu quyết”. “Thẻ biểu quyết” có đóng dấu treo của Công ty. Trên “Thẻ biểu quyết” có ghi rõ mã số, họ tên cổ đông hoặc người đại diện, tổng số cổ phần sở hữu/ đại diện sở hữu và nhận ủy quyền.

1.2. Việc giơ “Thẻ biểu quyết” thực hiện theo điều hành của Chủ tọa dưới hình thức câu hỏi. Kết quả giơ “Thẻ biểu quyết” được Chủ tọa Công bố ngay tại Đại hội sau khi đã kết thúc biểu quyết từng nội dung.

1.3. Cách thức giơ Thẻ biểu quyết:



a) Giờ thể biểu quyết hợp lệ: Việc giờ “Thẻ biểu quyết” cho một nội dung chỉ thực hiện giờ một lần “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”. Khi biểu quyết cần giờ cao “Thẻ biểu quyết”, mặt trước của Thẻ hướng về phía Chủ tọa đại hội.

b) Trường hợp người dự họp không giờ thẻ biểu quyết trong cả 3 lần biểu quyết **“Tán thành”**, **“Không tán thành”** và **“Không có ý kiến”** của một nội dung biểu quyết thì được xem là biểu quyết tán thành nội dung biểu quyết đó.

c) Trường hợp người dự họp giờ thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần với một nội dung biểu quyết thì lựa chọn sau cùng của cổ đông sẽ được ghi nhận là kết quả biểu quyết của cổ đông.

## 2. Phiếu biểu quyết

Một số nội dung trong chương trình của Đại hội được Đại hội thảo luận biểu quyết công khai bằng “Phiếu biểu quyết”. “Phiếu biểu quyết” có đóng dấu treo của Công ty. Trên “Phiếu biểu quyết” có ghi rõ mã số, họ tên cổ đông hoặc người đại diện, tổng số cổ phần sở hữu/ đại diện sở hữu và nhận ủy quyền.

Mỗi nội dung biểu quyết trên Phiếu biểu quyết có 3 ô để người dự họp điền lựa chọn ý kiến biểu quyết bao gồm:

- + Ô biểu quyết Tán thành;
- + Ô biểu quyết Không tán thành;
- + Ô biểu quyết Không có ý kiến.

Khi biểu quyết từng nội dung, người dự họp thể hiện ý kiến biểu quyết (**“Tán thành”** hoặc **“Không tán thành”** hoặc **“Không có ý kiến”**) bằng cách đánh dấu (X) hoặc dấu (V) vào 01 trong 03 ô biểu quyết, ký và ghi rõ họ tên vào Phiếu biểu quyết để nộp cho Ban Kiểm phiếu.

- Phiếu biểu quyết là không hợp lệ trong các trường hợp sau:

- + Phiếu biểu quyết không theo mẫu do Ban Tổ chức Đại hội phát hành, không được đóng dấu treo đỏ của Công ty;
- + Phiếu biểu quyết rách, nát hoặc có viết thêm bất kỳ ký hiệu nào khác;
- + Phiếu biểu quyết không được cổ đông/người đại diện của cổ đông dự họp ký và ghi rõ họ tên;
- + Phiếu biểu quyết bị gạch xóa, sửa chữa;
- + Phiếu biểu quyết mà người dự họp không đánh dấu vào ô biểu quyết nào hoặc đánh dấu vào nhiều hơn một ô biểu quyết đối với một nội dung biểu quyết.

- Việc nộp Phiếu biểu quyết được thực hiện theo hiệu lệnh của Chủ tọa Đại hội.

- Trường hợp cổ đông/người đại diện của cổ đông có yêu cầu đòi lại Phiếu biểu quyết do bị rách, nát, sơ suất viết thêm các ký hiệu lên Phiếu biểu quyết (“Phiếu biểu quyết hỏng”), nếu cổ đông/người đại diện của cổ đông chưa bỏ phiếu vào thùng phiếu và chưa hết thời hạn bỏ phiếu, được quyền trực tiếp gặp Ban Kiểm phiếu trả lại Phiếu biểu quyết hỏng để đổi lấy Phiếu biểu quyết mới nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông. Ban Kiểm phiếu tập hợp các Phiếu biểu quyết hỏng gửi lại Thư ký Đại hội.

- Khi tiến hành biểu quyết, cổ đông/đại diện cổ đông có quyền quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến bằng cách đánh dấu (X) hoặc (V) vào ô tương ứng với lựa chọn của mình cho từng vấn đề cần biểu quyết trên phiếu biểu quyết.

### **Chương III**

#### **BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG, BAN KIỂM PHIẾU**

##### **Điều 6. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau**

###### **1. Quyền:**

- a) Yêu cầu Người dự họp đại hội xuất trình Căn cước công dân, Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền).
- b) Hướng dẫn và giải thích cho Người dự họp những vấn đề chưa nắm rõ khi đăng ký dự họp.

###### **2. Nghĩa vụ**

- a) Cấp cho Người dự họp “Thẻ biểu quyết”, “Phiếu biểu quyết” và tài liệu phục vụ cho việc thảo luận, biểu quyết tại đại hội (kể cả những trường hợp đến muộn).
- b) Lập danh sách cổ đông và người được cổ đông ủy quyền đến họp đại hội.
- c) Lập Biên bản kết quả kiểm tra tư cách Người dự họp và báo cáo kết quả tại Đại hội;
- d) Báo cáo với Đại hội trước mỗi lần biểu quyết nếu có sự thay đổi tăng số lượng Người dự họp.
- đ) Chuyển kết quả kiểm tra tư cách Người dự họp cho Chủ tọa đại hội ngay sau khi bế mạc đại hội và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước đại hội về kết quả kiểm tra tư cách Người dự họp.
- e) Thực hiện các công việc khác khi Chủ tọa Đại hội yêu cầu.

##### **Điều 7. Trách nhiệm của Ban kiểm phiếu.**

Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ sau:

- 1. Kiểm đếm kết quả biểu quyết gồm “Thẻ biểu quyết” và “Phiếu biểu quyết”, đồng thời, lập biên bản và báo cáo Đại hội về kết quả kiểm Phiếu biểu quyết đối với từng nội dung theo sự điều hành của Chủ tọa.
- 2. Lập biên bản kiểm phiếu và báo cáo Đại hội về kết quả kiểm phiếu.
- 3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và đại hội về tính chính xác đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình.

### **Chương IV**

#### **CHỦ TỌA VÀ THƯ KÝ ĐẠI HỘI**

##### **Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa**

Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội. Chủ tọa đại hội có các quyền và nghĩa vụ theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền và nghĩa vụ cơ bản sau:

###### **1. Quyền:**

- a) Điều hành họp đại hội.
- b) Quyết định trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- c) Không trả lời những ý kiến nằm ngoài chương trình đại hội, nhưng chủ tọa sẽ ghi nhận những ý kiến đó.

đ) Cắt ý kiến phát biểu của Người dự họp khi Người dự họp phát biểu ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp hoặc ý kiến không rõ ràng.

e) Trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa hoặc ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

g) Chủ tọa đề cử Thư ký Đại hội.

## **2. Nghĩa vụ:**

a) Điều hành họp đại hội đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Chương trình họp đại hội.

b) Trả lời hoặc ủy quyền cho người khác trả lời đầy đủ các ý kiến, kiến nghị của Người dự họp về những vấn đề phù hợp với Chương trình đại hội.

c) Ký ban hành Biên bản, Nghị quyết họp Đại hội.

## **Điều 9. Thư ký Đại hội**

Thư ký Đại hội có các quyền và nghĩa vụ theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trong đó có nghĩa vụ cơ bản sau: Ghi chép đầy đủ, trung thực quá trình đại hội diễn ra; Trình bày dự thảo Biên bản, Nghị quyết đại hội; Cùng Chủ tọa liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản, chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ Biên bản và nghị quyết đại hội theo Điều lệ Công ty.

## **Chương V**

### **THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

#### **Điều 10. Điều kiện tiến hành Đại hội**

1. Đại hội được tiến hành khi có số Người dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội.

2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên, thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông các lần tiếp theo thực hiện theo Luật Doanh nghiệp, Khoản 2, Khoản 3 - Điều 19 - Điều lệ Công ty.

#### **Điều 11. Thông qua nghị quyết của Đại hội**

Nghị quyết của Đại hội được thông qua khi có từ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của người dự họp trực tiếp tại Đại hội theo quy định tại Khoản 4- Điều 21- Điều lệ Công ty.

#### **Điều 12. Phát biểu ý kiến tại Đại hội**

1. Nguyên tắc: Trước khi phát biểu, Người dự họp phải đăng ký nội dung phát biểu. Mẫu đăng ký phát biểu nhận tại bàn Bàn kiểm tra tư cách cổ đông. Thư ký Đại hội có trách nhiệm nhận và chuyển đăng ký phát biểu của Người dự họp đến Chủ tọa.

2. Cách thức phát biểu: Người dự họp phát biểu ngắn gọn, đúng nội dung đã đăng ký và phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho Người dự họp phát biểu theo thứ tự đăng ký. Người dự họp không phát biểu lại những ý kiến đã được Người khác phát biểu hoặc nội dung đó đã được Chủ tọa trả lời.

## **Chương VI**

### **BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI**

### **Điều 13. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

1. Biên bản và Nghị quyết Đại hội được lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung theo quy định của pháp luật.

2. Biên bản và Nghị quyết Đại hội phải được đọc và xin ý kiến biểu quyết bằng hình thức giờ **“Thẻ biểu quyết”** trước khi bế mạc Đại hội

3. Biên bản được gửi cho cổ đông bằng hình thức đăng tải trên Website của Công ty: Website: vangdanhcoal.com.vn (*Mục Quan hệ cổ đông, chọn Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026*). Trường hợp cổ đông, người đại diện có yêu cầu gửi bản cứng, Công ty sẽ gửi qua đường Bưu điện hoặc bản fax.

Trên đây là Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin.

Quy chế này có hiệu lực ngay khi các cổ đông đã biểu quyết thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỌA**

***Nơi nhận:***

- Cổ đông của Công ty;
- Người UQCBTT;
- Phòng CV (CBTT)
- UBCKNN; Sở GDCKHN;
- Lưu Thư ký HĐQT; Hồ sơ Đại hội.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**Nguyễn Văn Dũng**

**DỰ THẢO**

*Uông Bí, ngày 25 tháng 03 năm 2026*

**QUY ĐỊNH**  
**THỂ LỆ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH - VINACOMIN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các luật sửa đổi liên quan;  
Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và các luật sửa đổi liên quan;  
Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin.

**PHẦN I: QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Mục đích.**

1. Quy định này được xác lập nhằm quy định cụ thể các nguyên tắc và phương thức biểu quyết, theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty;
2. Cổ đông thực hiện quyền cho ý kiến về các nội dung, vấn đề cụ thể để nhằm xác định các nội dung, vấn đề đó có đủ điều kiện được Đại hội thông qua;

**Điều 2. Phạm vi áp dụng.**

Quy chế này chỉ áp dụng trong việc biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.

**Điều 3. Nguyên tắc và đối tượng thực hiện biểu quyết**

1. Nguyên tắc biểu quyết:
  - Đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty;
  - Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
  - Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Đại hội.
2. Đối tượng có quyền biểu quyết:
  - Là các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết (theo danh sách chốt cổ đông để thực hiện quyền tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán (VDSC) cấp) có mặt tại Đại hội và thực hiện đăng ký tham dự Đại hội một cách hợp lệ theo quy định do Công ty công bố.
  - Phiếu biểu quyết được phát cho cổ đông tại bàn đăng ký.

## PHẦN II: HƯỚNG DẪN BIỂU QUYẾT

### **Điều 4. Phương thức biểu quyết.**

- Cổ đông có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trường hợp cổ đông đến muộn, thì hiệu lực của những phiếu biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

### **Điều 5. Nguyên tắc biểu quyết.**

- Quyền biểu quyết của cổ đông tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó.

- Việc biểu quyết các vấn đề tại Đại hội sẽ được thực hiện theo phương thức biểu quyết công khai, trực tiếp.

- Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết do Ban Tổ chức phát hành. Nội dung của phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết bao gồm: các vấn đề cần được biểu quyết, tên cổ đông hoặc người được ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Phiếu biểu quyết sẽ bao gồm một số nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua.

- Khi được phát thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện cổ đông phải kiểm tra thông tin, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết.

- Khi biểu quyết từng nội dung, cổ đông/người đại diện của cổ đông dự họp thể hiện ý kiến biểu quyết (Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến) bằng cách đánh dấu (X) or a (✓) vào 01 trong 03 ô biểu quyết, ký và ghi rõ họ tên vào Phiếu biểu quyết để nộp cho Ban Kiểm phiếu.

- Việc biểu quyết thực hiện theo Điều 5 Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.

### **Điều 6. Nội dung biểu quyết được thông qua.**

Các nội dung biểu quyết được thông qua theo quy định Điều 11 Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.

## PHẦN III: KIỂM PHIẾU VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ

### **Điều 7. Ban kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu.**

#### **1. Ban Kiểm phiếu:**

- Việc kiểm phiếu sẽ được thực hiện thông qua Ban Kiểm phiếu. Ban Tổ chức Đại hội sẽ chuẩn bị và đề xuất với ĐHĐCĐ một Ban Kiểm phiếu để chịu trách nhiệm: Giới thiệu và phát phiếu bầu, hướng dẫn và giải đáp thắc mắc trong quá trình biểu quyết; Tiến hành kiểm phiếu; Công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội. Ban Kiểm phiếu này sẽ được các cổ đông tham dự Đại hội thông qua tại Đại hội theo hình thức biểu quyết công khai.

#### **2. Nguyên tắc kiểm phiếu:**

##### **a. Thẻ biểu quyết**

- Ban kiểm phiếu kiểm phiếu theo hiệu lệnh giới thiệu thẻ biểu quyết của Chủ tọa Đại hội với các ý kiến “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”.

- Người dự họp chỉ giới thiệu “Thẻ biểu quyết” cho một nội dung biểu quyết một lần.

- Trường hợp người dự họp không giơ thẻ biểu quyết trong cả 3 lần biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” và “Không có ý kiến” của một nội dung biểu quyết thì được xem là biểu quyết tán thành nội dung biểu quyết đó.

- Trường hợp người dự họp giơ thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần với một nội dung biểu quyết thì lựa chọn sau cùng của người dự họp sẽ được ghi nhận là kết quả biểu quyết cuối cùng.

#### b. Phiếu biểu quyết

- Trước khi bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra tình trạng hòm phiếu trước sự chứng kiến của cổ đông.

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có thông báo của đại diện Ban Kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu biểu quyết vào hòm phiếu hoặc đến khi có thông báo kết thúc thời gian biểu quyết của Chủ tọa Đại hội tùy thuộc vào sự việc nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được Ban Kiểm phiếu niêm phong.

#### 3. Quy định về kiểm phiếu:

Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu theo quy định như sau:

- Ban Kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng làm việc/khu vực riêng;
- Ban Kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;
- Kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu biểu quyết;
- Kiểm tra lần lượt từng phiếu biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu;
- Niêm phong toàn bộ các phiếu biểu quyết và bàn giao lại cho Chủ tọa.

#### **Điều 8. Lập và công bố biên bản kiểm phiếu.**

Sau khi kiểm phiếu xong, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả biểu quyết và lập thành Biên bản Kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu sẽ được các thành viên của Ban Kiểm phiếu ký để xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

Nội dung Biên bản Kiểm phiếu phải ghi rõ các nội dung: Thành phần Ban Kiểm phiếu; thời gian, địa điểm tiến hành kiểm phiếu; tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội; Tổng số phiếu phát ra; tổng số phiếu thu về; Tổng số phiếu không hợp lệ; Tổng số phiếu hợp lệ; Tổng số phiếu đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến và tỷ lệ biểu quyết cho tương ứng với từng nội dung biểu quyết; chữ ký của thành viên Ban Kiểm phiếu.

Toàn văn Biên bản Kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội. Trưởng Ban Kiểm phiếu có thể thay mặt Chủ tọa công bố kết quả biểu quyết.

**PHẦN IV: KHIẾU NẠI VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH****Điều 9. Khiếu nại**

Mọi khiếu nại về kết quả biểu quyết được xem xét ngay tại Đại hội. Trường hợp có bất đồng về thủ tục biểu quyết hoặc kết quả biểu quyết Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

**Điều 10. Hiệu lực thi hành.**

Thẻ lệ biểu quyết này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2026 Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin thông qua.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỌA**

**Nguyễn Văn Dũng**



Số: /TTr-TVD

Uông Bí, ngày tháng 3 năm 2026

## TỜ TRÌNH

V/v đề nghị thông qua quyết định đầu tư đối với dự án  
khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175, mỏ than Vàng Danh

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin. Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin đã tổ chức lập dự án: Đầu tư khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175, mỏ than Vàng Danh theo quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 ban hành theo Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/07/2023 của Thủ tướng Chính phủ, trình các cấp có thẩm quyền thẩm định, thông qua.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin thì đối với việc “*Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty*” thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Tại Đại hội đồng cổ đông bất thường này, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin xem xét biểu quyết thông qua việc quyết định đầu tư đối với dự án khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175, mỏ than Vàng Danh với một số nội dung chính như sau:

- + Tên dự án: Khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175, mỏ than Vàng Danh
  - + Nhóm dự án, loại cấp công trình dự án: Nhóm A, Công trình công nghiệp, cấp I.
  - + Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Than Vàng Danh- Vinacomin.
  - + Địa điểm đầu tư: Phường Vàng Danh, Uông Bí-Quảng Ninh.
  - + Công suất thiết kế: 2,0 triệu tấn than nguyên khai/năm.
  - + Tuổi thọ dự án: 38 năm (bao gồm: thời gian xây dựng cơ bản 08 năm, khai thác đạt công suất thiết kế và tắt dần 30 năm).
  - + Tổng mức đầu tư: 7.376.652.151.000 đồng.
  - + Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay thương mại 70% (tối đa 70% TMĐT) và vốn chủ sở hữu (tối thiểu 30% TMĐT).
  - + Về nội dung dự án có báo cáo tóm tắt dự án kèm theo
- Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty./.

### Nơi nhận:

- Như kính gửi ;
- Lưu: VT, HĐQT, TKCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**TV HĐQT-GIÁM ĐỐC**

**Hồ Quốc**

## **TÓM TẮT NỘI DUNG DỰ ÁN TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH-VINACOMIN**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-TVD ngày tháng 3 năm 2026)

1. Tên dự án: Khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175 mỏ than Vàng Danh.

2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình

Dự án nhóm A; công trình công nghiệp khai thác mỏ hầm lò, cấp I; công suất 2,0 triệu tấn than nguyên khai/năm.

3. Người quyết định đầu tư: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.

4. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.

5. Nội dung và quy mô đầu tư

5.1. Ranh giới và trữ lượng khai trường

- Ranh giới khai trường:

+ Trên mặt: Giới hạn bởi 19 điểm mốc tọa độ (từ 5.1 ÷ VD3), diện tích 12,37 km<sup>2</sup>.

+ Theo chiều sâu: Từ mức -175 m đến mức -350 m (đào lò trong đá đến mức -385 m).

- Trữ lượng khai trường:

+ Trữ lượng địa chất huy động (06 vỉa huy động vào khai thác): 64.218 nghìn tấn.

+ Trữ lượng công nghiệp: 41.596 nghìn tấn.

+ Quy đổi theo than nguyên khai: 55.162 nghìn tấn.

5.2. Công suất thiết kế và tuổi thọ dự án

- Công suất thiết kế: 2.000.000 tấn than nguyên khai/năm.

- Tuổi thọ dự án: 38 năm (bao gồm: thời gian xây dựng cơ bản 08 năm, khai thác đạt công suất thiết kế và tắt dần 30 năm).

5.3. Mở vỉa và chuẩn bị khai trường

a. Mặt bằng sân công nghiệp: Chọn mặt bằng mức +105 (nằm đối diện với Nhà máy tuyển than Vàng Danh 2, bên cạnh ga đường sắt nhận than của nhà máy tuyển) làm mặt bằng sân công nghiệp chính của Dự án, diện tích khoảng 13,17 ha.

b. Mở vỉa khai trường: Bằng cặp giếng nghiêng từ mặt bằng +105 xuống mức -350 (đối với giếng phụ), mức -385 (với giếng chính), kết hợp với Ngầm thông gió mức +139 ÷ -175 và xuyên vỉa tầng mức -175, -350.

- Giếng nghiêng chính được mở từ mặt bằng mức +105 xuống mức -385 với  $L = 1.802 \text{ m}$ ,  $\alpha = 16^0$ . Giếng chính được trang bị băng tải  $B = 1.200 \text{ mm}$  để vận tải than và hệ thống tời vô cực, chạy nền để vận chuyển người.

- Giếng nghiêng phụ được mở từ mặt bằng mức +105 xuống mức -350 với  $L=1.666\text{ m}$ ,  $\alpha = 16^{\circ}40'$ . Giếng phụ được trang bị hệ thống tời trực một tang, đường kính 4,0 m để vận chuyển vật liệu, đất đá và hệ thống tời vô cực, chạy nền để vận chuyển người.

- Ngầm thông gió +139 ÷ -175 được mở từ mặt bằng mức +139 xuống mức -175, dài 1.064 m, trong đó: đoạn lò có góc dốc  $24^{\circ}$ , dài 430 m; đoạn lò có góc dốc  $13^{\circ}30'$ , dài 599 m. Ngầm thông gió +139 ÷ -175 lắp đặt trạm quạt gió chính để phục vụ thông gió.

- Thượng trực tải +139 ÷ -175 (sử dụng lại): Thượng có nhiệm vụ vận tải vật tư, vật liệu, đất đá từ mặt bằng +139 xuống mức -175 và ngược lại bằng máy trục một đầu cáp đường kính 2,5 m.

- Tại mức vận tải -350 tiến hành mở hệ thống sân ga, hầm trạm với tổng chiều dài 2.992 m. Từ sân ga mức -350, tiến hành đào hệ thống đường lò dọc vỉa đá, xuyên vỉa đá tới các khu khai thác để tiếp cận các vỉa than.

- Mức thông gió -175, cơ bản sử dụng lại hệ thống đường lò dọc vỉa, xuyên vỉa đá của tầng +0 ÷ -175. Đào bổ sung một số đường lò dọc vỉa, xuyên vỉa mức -175 để kết nối với giếng nghiêng phụ đào mới và phù hợp với phương án mở vỉa.

#### c. Chuẩn bị khai trường:

- Chuẩn bị theo tầng khai thác, mỗi tầng được chia thành các phân tầng. Các lò chợ được chuẩn bị theo sơ đồ khẩu giật, phù hợp với phương án chuẩn bị của hệ thống khai thác.

- Giai đoạn xây dựng cơ bản, xây dựng 09 lò chợ với thông số kỹ thuật chủ yếu của các lò chợ như sau:

TT	Tên lò chợ	Chiều dài, m		Chiều dày TB (than sạch), m	Góc dốc TB, độ	HTKT áp dụng	CSTK, tấn/năm
		Theo phương	Theo góc dốc				
I	KHU I						
1	LC I-7-1	360	90	6,44	70	Giàn mềm ZRY	110.000
2	LC I-7-2	535	120	5,82	20	Giá khung	200.000
3	LC I-8-1	510	90	5,79	70	Giàn mềm ZRY	110.000
4	LC I-8-2	382	92	7,31	25	Giá khung	200.000
5	LC I-8-3	377	120	7,31	7	CGH	500.000
II	KHU II						
6	LC II-7-1	440	120	5,83	25	Giá khung	180.000
7	LC II-7-3	520	95	5,83	63	Giàn mềm ZRY	110.000
8	LC II-8-1	570	105	3,82	25	Giá khung	190.000
9	LC II-8-3	450	95	3,82	20	Giá khung	190.000

#### 5.4. Giếng mở, sân ga và hầm trạm

- Giếng nghiêng chính: Được mở từ mặt bằng mức +105 xuống mức -385 với  $L= 1.802\text{ m}$ ,  $\alpha= 16^{\circ}$ ; tiết diện đào/chống: đoạn chống BTCT lưu vì 25,4/19,5 m<sup>2</sup>,

đoạn chống thép 24,1/20,9 m<sup>2</sup>, đoạn chống neo + bê tông phun 23,3/22,5 m<sup>2</sup>.

- Giếng nghiêng phụ: Được mở từ mặt bằng mức +105 xuống mức -350 với  $L=1.666$  m,  $\alpha = 16^{\circ}40'$ ; tiết diện đào/chống: đoạn BTCT lưu vì 28,1/21,2 m<sup>2</sup>, đoạn chống thép 26,3/22,9 m<sup>2</sup>, đoạn chống neo + bê tông phun 25,4/24,7 m<sup>2</sup>.

- Ngầm thông gió +139 ÷ -175 được mở từ mặt bằng mức +139 xuống mức -175 với  $L=1.064$  m (trong đó: đoạn lò có góc dốc  $24^{\circ}$ , dài 430 m; đoạn lò có góc dốc  $13^{\circ}30'$ , dài 599 m); chống lò bằng bê tông lưu vì và BTCT, tiết diện đào/chống: 23,6/17,0 m<sup>2</sup>.

- Tại chân giếng mức -350 tiến hành mở hệ thống sân ga, hầm trạm với tổng chiều dài 2.992 m, từ đây tiến hành đào hệ thống đường lò dọc vỉa đá, xuyên vỉa đá tới các khu khai thác để tiếp cận các vỉa than.

### 5.5. Vận tải qua giếng và trong lò

#### a. Vận tải qua giếng

- Giếng nghiêng chính +105 ÷ -385:

+ Vận tải than bằng băng tải  $B=1.200$  mm, gồm 02 băng: băng tải số 01 dài 912,5 m, băng tải số 02 dài 885 m, năng suất các băng 666 tấn/giờ.

+ Vận tải người lên xuống bằng tời vô cực chạy nền, chiều dài vận chuyển 1.700 m; chở tối đa 192 người/chuyến.

- Giếng nghiêng phụ +105 ÷ -350:

+ Vận chuyển đất đá, thiết bị vật liệu bằng tời trục một đầu cáp, đường kính tang  $D=4,0$  m, bề rộng tang  $B=2,7$  m, kết hợp với gòong chở đất đá, chở thiết bị.

+ Vận tải người lên xuống bằng tời vô cực chạy nền, chiều dài vận chuyển 1.650 m; chở tối đa 192 người/chuyến.

- Thương trục tải +139 ÷ -175: Sử dụng tời trục một đầu cáp, đường kính tang  $D=2,5$  m, bề rộng tang  $B=2,0$  m, kết hợp với xe gòong để chở đất đá, vật liệu từ mặt bằng +139 xuống mức -175 và ngược lại.

b. Vận tải trong lò: Vận tải người bằng tời vô cực và tàu điện; vận tải thiết bị, vật liệu bằng tời trục, tàu điện kết hợp monoray; vận tải đất đá bằng tời trục và tàu điện; vận tải than bằng băng tải, máng cào, máng trượt.

### 5.6 . Hệ thống khai thác, công tác đào lò

#### a. Hệ thống khai thác (HTKT)

##### a.1. Giai đoạn xây dựng cơ bản (XDCB)

Giai đoạn XDCB, thiết kế lựa chọn các HTKT như sau:

- HTKT cột dài theo phương, lò chợ CGH đồng bộ có thu hồi than nóc, khâu than bằng máy khâu hai tang, chống giữ lò chợ bằng giàn tự hành. Áp dụng cho các vỉa than có chiều dày  $\geq 3,5$  m, góc dốc  $\leq 35^{\circ}$ , đất đá vách bất kỳ, đất đá trụ có độ bền vững trung bình trở lên, điều khiển đá vách bằng phá hoá toàn phần.

- HTKT cột dài theo phương chống giá khung di động (loại có liên kết mềm hoặc giá xích), áp dụng cho các vỉa có chiều dày  $\geq 1,6$  m, góc dốc  $\leq 45^\circ$ , đất đá vách kém ổn định đến ổn định trung bình, mức độ biến đổi chiều dày, góc dốc tương đối ổn định đến ổn định; khâu than bằng khoan nổ mìn, điều khiển đá vách bằng phá hoá toàn phần.

- HTKT cột dài theo phương, lò chợ xiên chéo, chống bằng giàn mềm, áp dụng cho vỉa có chiều dày từ  $1,6 \div 10$  m, góc dốc trên  $40^\circ$ ; khâu than bằng khoan nổ mìn, điều khiển đá vách bằng phá hoá toàn phần.

#### a.2. Giai đoạn duy trì công suất thiết kế

Ngoài các HTKT áp dụng trong giai đoạn XD/CB nêu trên, trong giai đoạn duy trì công suất thiết kế, nghiên cứu áp dụng một số HTKT khác khi đủ điều kiện, như:

- HTKT cột dài theo phương, lò chợ CGH đồng bộ hạng nhẹ có thu hồi than nóc, khâu than bằng máy khâu.

- HTKT lò dọc vỉa phân tầng, khâu than bằng khoan nổ mìn, chống giữ bằng giá khung di động.

- HTKT chia lớp ngang nghiêng, khâu than bằng khoan nổ mìn, chống giữ lò chợ bằng giá khung di động.

- HTKT cột dài theo phương, chống giữ lò chợ bằng giá khung di động/giá xích, khâu than bằng máy khâu.

- HTKT cột dài theo phương, lò chợ xiên chéo, chống bằng giàn mềm, khâu than bằng máy khâu.

Ngoài ra, trong quá trình duy trì công suất thiết kế, trường hợp có các HTKT tiên tiến, hiệu quả hơn, sẽ nghiên cứu áp dụng để nâng cao hiệu quả Dự án.

b. Công nghệ đào lò: Đào lò cơ giới hóa bằng máy COMBAI đào lò, đào lò thủ công bằng khoan nổ mìn.

#### 5.7. Thông gió mỏ

- Cấp khí mỏ: Mỏ xếp loại I về khí  $\text{CH}_4$ .

- Sử dụng sơ đồ thông gió trung tâm, phương pháp thông gió hút. Gió sạch đi vào mỏ qua cặp giếng nghiêng chính và phụ, sau đó theo hệ thống đường lò dọc vỉa, xuyên vỉa mức -350 tới thông gió cho các lò chợ. Gió thải thoát ra từ lò chợ, theo hệ thống đường lò dọc vỉa, xuyên vỉa thông gió mức -175 và được hút ra ngoài qua trạm quạt gió chính đặt tại Rãnh gió +139 (xây dựng mới).

- Thông số trạm quạt gió chính: Trạm quạt gió tại Rãnh gió +139 gồm 02 quạt FBDCZ-8-N<sub>032</sub> (01 làm việc và 01 dự phòng).

- Thông gió cho các gương đào lò bằng các quạt gió cục bộ, phương pháp thông gió đẩy.

#### 5.8. Tháo khô, thoát nước khai trường

- Giải pháp thoát nước trong lò: Duy trì các hầm bơm của dự án tầng trên như: hầm bơm mức +0, mức -10 và mức -175; xây dựng mới hầm bơm mức -350 để

thoát nước cho tầng -175 ÷ -350 của dự án. Theo đó, nước từ các lò chứa nước mức -350 sẽ được bơm cưỡng bức qua hệ thống đường ống được lắp đặt tại giếng nghiêng phụ lên mặt bằng +105 và được đưa về hồ xử lý nước thải tập trung của Công ty Môi trường - TKV hiện có.

- Trang thiết bị cho hầm bơm:

+ Máy bơm: Hầm bơm mức -350 gồm 03 tổ hợp (mỗi tổ hợp gồm 03 bơm), có thông số kỹ thuật như sau:  $Q = 550/720/850 \text{ m}^3/\text{h}$ ;  $H = 660/600/540 \text{ m}$ .

+ Đường ống dẫn: Số lượng tuyến ống đẩy thoát nước cho hầm bơm mức -350 là 03 tuyến, đường kính ống 500 mm, áp suất từ 16 ÷ 64 at (02 làm việc, 01 dự phòng); vật liệu là thép đúc, ống phức hợp chịu mài mòn Polyethylene hoặc vật liệu khác có tiêu chuẩn tương đương.

### 5.9. Cung cấp điện, nước, khí nén

#### a. Cung cấp điện:

- Nguồn điện lưới:

+ Khi TBA 220 kV Khe Thần chưa xây dựng (TBA Khe Thần đã có trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2025), nguồn điện lưới phục vụ Dự án sẽ được lấy từ TBA 110 kV Ưông Bí thông qua 03 lộ tuyến, trong đó: 02 lộ tuyến 372, 373 hiện có (sẽ được Điện lực tỉnh Quảng Ninh nâng cấp tiết diện tuyến đường dây lên AC-150) và 01 lộ tuyến mới sẽ được Điện lực tỉnh Quảng Ninh xây dựng.

+ Khi TBA 220 kV Khe Thần được đầu tư xây dựng, điện lưới sẽ được bổ sung thêm nguồn từ TBA Khe Thần bằng 02 lộ tuyến được đầu tư, xây dựng mới.

- Nguồn điện dự phòng: Xây dựng mới Trạm phát điện Diesel tại MBSCN mức +105 với 05 tổ hợp máy phát, công suất mỗi máy 2.500 kW. Ngoài ra, khi cần thiết có thể huy động thêm nguồn dự phòng từ các trạm phát điện Diesel hiện có khu giếng Vàng Danh, gồm: 07 tổ hợp máy phát diesel, công suất mỗi máy 2500 kVA và khu giếng Cánh Gà, gồm 02 tổ hợp máy phát diesel, công suất mỗi máy 2500 kVA.

- Đầu tư mới các TBA, TPP và hệ thống đường dây đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định cho các hộ tiêu thụ.

#### b. Cung cấp nước, thải nước:

- Cung cấp nước:

+ Nước phục vụ sản xuất và cứu hỏa được lấy từ Trạm xử lý nước thải hầm lò, công suất 3000 m<sup>3</sup>/h dẫn về 02 bể, dung tích mỗi bể 300 m<sup>3</sup> (01 bể cấp nước cứu hỏa, 01 bể cấp nước sản xuất) tại mặt bằng +165. Từ đây nước được hệ thống ống dẫn cấp tới các hộ tiêu thụ trên MB +105 và trong lò nhờ chênh cao địa hình.

+ Nước sinh hoạt (tắm, giặt sấy) được lấy từ Trạm xử lý nước sinh hoạt công suất 2000 m<sup>3</sup>/ng.đ dẫn về bể chứa nước dung tích 200 m<sup>3</sup> tại MB +165. Từ đây nước tự chảy xuống MB +105 nhờ chênh cao địa hình.

+ Nước phục vụ ăn uống, được đầu nối trực tiếp với hệ thống đường ống nước sạch của địa phương.

- Thải nước:

+ Toàn bộ nước thải sinh hoạt trên mặt bằng được xử lý tại Trạm xử lý nước thải công suất  $650 \text{ m}^3/\text{ng.đ}$  xây dựng mới tại MB +105.

+ Nước thải hầm lò được bơm, dẫn về Trạm xử lý nước thải công suất  $3000 \text{ m}^3/\text{h}$  hiện có của Công ty Môi trường - TKV.

c. Cung cấp khí nén:

Sử dụng lại Nhà trạm nén khí cố định tại mặt bằng +110, đầu tư bổ sung 05 máy nén khí trục vít (04 máy làm việc, 01 máy dự phòng), lưu lượng mỗi máy  $61,7 \text{ m}^3/\text{phút}$ .

#### 5.10. Tổng mặt bằng và vận tải ngoài

a. Tổng mặt bằng:

- Sử dụng lại mặt bằng sân công nghiệp mức +110 và các MBSCN hiện có của mỏ.

- Xây dựng mới MBSCN mức +105, diện tích khoảng 13,17 ha; mặt bằng cửa gió mức +139, diện tích khoảng 1,72 ha.

b. Vận tải ngoài: Giải pháp vận tải ngoài, cơ bản như vận hành hiện nay, chủ yếu bằng ô tô.

#### 5.11. Chế biến than

Than nguyên khai được sàng sơ bộ tại MBSCN +105 để loại bỏ bột đất đá, than quá cỡ, sau đó toàn bộ sản phẩm dưới sàng sẽ được chuyển bằng băng tải về nhà máy sàng tuyển than Vàng Danh 2 (công suất 2,0 triệu tấn/năm). Đất đá thải sau sàng tuyển được vận chuyển bằng ô tô ra bãi thải +200 (dung tích  $823.150 \text{ m}^3$ ) và bãi thải +320 (dung tích  $22.697.198 \text{ m}^3$ ).

Khi dự án khai thác hầm lò tầng -50 ÷ -175 khu Cánh Gà ra than, đạt công suất thiết kế, một phần than của Dự án sẽ được điều tiết về Nhà máy tuyển Vàng Danh 1 để sàng tuyển, thông qua hệ thống băng tải sẽ được đầu tư trong giai đoạn sau.

#### 5.12. Thông tin liên lạc, tự động hóa

a. Thông tin liên lạc

- Tại khu vực văn phòng sử dụng lại các thuê bao điện thoại trực thuộc Bưu điện Ưông Bí trang bị cho các phòng ban.

- Đầu tư mới hệ thống thông tin liên lạc kỹ thuật số, tổng đài trung tâm tích hợp các hệ thống: hệ thống liên lạc bằng điện thoại cố định IP, hệ thống liên lạc bằng điện thoại di động, hệ thống phát thanh, hệ thống camera giám sát.

b. Tự động hóa

Đầu tư phòng điều khiển tập trung tại tầng Nhà điều hành sản xuất mặt bằng +105, tại đây trang bị hệ thống máy tính chủ và các thiết bị truyền dẫn trung gian kết nối đồng bộ với hệ thống điều khiển tự động của trạm bơm, trạm quạt, trạm

điện, trạm nén khí, tời trục, băng tải chính, hệ thống giám sát, cảnh báo khi để thu thập toàn bộ dữ liệu về hình ảnh, trạng thái và thông số vận hành của các thiết bị.

6. Địa điểm xây dựng: phường Vàng Danh, tỉnh Quảng Ninh.

7. Tổng mức đầu tư (TMĐT): 7.376.652.151 nghìn đồng, trong đó:

TT	Nội dung chi phí	Giá trị (1000 đ)		
		Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	54.759.211	37.921	54.797.132
2	Chi phí xây dựng	3.275.972.212	327.597.221	3.603.569.433
	- Trong lò	2.980.117.796	298.011.780	3.278.129.576
	- Mặt bằng	295.854.415	29.585.442	325.439.857
3	Chi phí thiết bị	1.258.613.585	125.861.359	1.384.474.944
	- Trong lò	1.025.616.121	102.561.613	1.128.177.734
	- Mặt bằng	232.997.464	23.299.746	256.297.210
4	Chi phí quản lý dự án	32.449.577	3.244.958	35.694.535
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình	157.625.789	15.759.614	173.385.403
6	Chi phí khác	1.110.090.867	2.291.017	1.112.381.884
	- Các chi phí khác	81.487.747	2.291.017	83.778.764
	- Lãi vay thời gian xây dựng cơ bản	1.028.603.120		1.028.603.120
7	Chi phí dự phòng	1.012.348.820		1.012.348.820
	- Dự phòng cho các khối lượng phát sinh	318.210.167		318.210.167
	- Dự phòng theo yếu tố trượt giá	694.138.653		694.138.653
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.901.860.061</b>	<b>474.792.090</b>	<b>7.376.652.151</b>

8. Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay thương mại 70% (tối đa 70% TMĐT) và vốn chủ sở hữu (tối thiểu 30% TMĐT).



**TẬP ĐOÀN CN THAN - KS VIỆT NAM    CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**THAN VÀNG DANH - VINACOMIN**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:            /2026/NQ-ĐHĐCĐ

*Uông Bí, ngày 25 tháng 3 năm 2026*

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH - VINACOMIN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 14, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026, ngày 25/3/2026 của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin;

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua việc quyết định đầu tư đối với dự án khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175, mỏ than Vàng Danh với một số nội dung chính như sau:

- + Tên dự án: Khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175, mỏ than Vàng Danh
- + Nhóm dự án, loại cấp công trình dự án: Nhóm A, Công trình công nghiệp, cấp I.
- + Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Than Vàng Danh- Vinacomin.
- + Địa điểm đầu tư: Phường Vàng Danh, Uông Bí-Quảng Ninh.
- + Công suất thiết kế: 2,0 triệu tấn than nguyên khai/năm.
- + Tuổi thọ dự án: 38 năm (*bao gồm: thời gian xây dựng cơ bản 08 năm, khai thác đạt công suất thiết kế và tắt dần 30 năm*).
- + Tổng mức đầu tư: 7.376.652.151.000 đồng.
- + Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay thương mại 70% (tối đa 70% TMĐT) và vốn chủ sở hữu (tối thiểu 30% TMĐT).
- + Các nội dung khác: Theo báo cáo tóm tắt nội dung dự án trình Đại hội đồng cổ đông

*(Có Biên bản kiểm phiếu kèm theo)*

**Điều 2.** Hiệu lực và tổ chức thực hiện Nghị quyết

**1. Hiệu lực**

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ thời điểm Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 tán thành biểu quyết thông qua.

## 2. Tổ chức thực hiện Nghị quyết

Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình để tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty.

Toàn văn Nghị quyết đã được trình bày trước khi bế mạc đại hội./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán;
- Các cổ đông (website của Công ty);
- HĐQT; BKS; Ban Giám đốc;
- Lưu: VP; TKCT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
Nguyễn Văn Dũng**

## TÓM TẮT NỘI DUNG DỰ ÁN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT THÔNG QUA

(Kèm theo Nghị quyết : /2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026)

1. Tên dự án: Khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175 mỏ than Vàng Danh.

2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình

Dự án nhóm A; công trình công nghiệp khai thác mỏ hầm lò, cấp I; công suất 2,0 triệu tấn than nguyên khai/năm.

3. Người quyết định đầu tư: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.

4. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.

5. Nội dung và quy mô đầu tư

5.1. Ranh giới và trữ lượng khai trường

- Ranh giới khai trường:

+ Trên mặt: Giới hạn bởi 19 điểm mốc tọa độ (từ 5.1 ÷ VD3), diện tích 12,37 km<sup>2</sup>.

+ Theo chiều sâu: Từ mức -175 m đến mức -350 m (đào lò trong đá đến mức -385 m).

- Trữ lượng khai trường:

+ Trữ lượng địa chất huy động (06 vỉa huy động vào khai thác): 64.218 nghìn tấn.

+ Trữ lượng công nghiệp: 41.596 nghìn tấn.

+ Quy đổi theo than nguyên khai: 55.162 nghìn tấn.

5.2. Công suất thiết kế và tuổi thọ dự án

- Công suất thiết kế: 2.000.000 tấn than nguyên khai/năm.

- Tuổi thọ dự án: 38 năm (bao gồm: thời gian xây dựng cơ bản 08 năm, khai thác đạt công suất thiết kế và tắt dần 30 năm).

5.3. Mở vỉa và chuẩn bị khai trường

a. Mặt bằng sân công nghiệp: Chọn mặt bằng mức +105 (nằm đối diện với Nhà máy tuyển than Vàng Danh 2, bên cạnh ga đường sắt nhận than của nhà máy tuyển) làm mặt bằng sân công nghiệp chính của Dự án, diện tích khoảng 13,17 ha.

b. Mở vỉa khai trường: Bằng cặp giếng nghiêng từ mặt bằng +105 xuống mức -350 (đối với giếng phụ), mức -385 (với giếng chính), kết hợp với Ngầm thông gió mức +139 ÷ -175 và xuyên vỉa tầng mức -175, -350.

- Giếng nghiêng chính được mở từ mặt bằng mức +105 xuống mức -385 với  $L = 1.802$  m,  $\alpha = 16^\circ$ . Giếng chính được trang bị băng tải  $B = 1.200$  mm để vận tải than và hệ thống tời vô cực, chạy nền để vận chuyển người.

- Giếng nghiêng phụ được mở từ mặt bằng mức +105 xuống mức -350 với  $L = 1.666$  m,  $\alpha = 16^\circ 40'$ . Giếng phụ được trang bị hệ thống tời trục một tang, đường kính 4,0 m để vận chuyển vật liệu, đất đá và hệ thống tời vô cực, chạy nền để vận chuyển người.

- Ngầm thông gió +139 ÷ -175 được mở từ mặt bằng mức +139 xuống mức -175, dài 1.064 m, trong đó: đoạn lò có góc dốc  $24^\circ$ , dài 430 m; đoạn lò có góc dốc  $13^\circ 30'$ , dài 599 m. Ngầm thông gió +139 ÷ -175 lắp đặt trạm quạt gió chính để phục vụ thông gió.

- Thương trực tải +139 ÷ -175 (sử dụng lại): Thương có nhiệm vụ vận tải vật tư, vật liệu, đất đá từ mặt bằng +139 xuống mức -175 và ngược lại bằng máy trục một đầu cáp đường kính 2,5 m.

- Tại mức vận tải -350 tiến hành mở hệ thống sân ga, hầm trạm với tổng chiều dài 2.992 m. Từ sân ga mức -350, tiến hành đào hệ thống đường lò dọc vỉa đá, xuyên vỉa đá tới các khu khai thác để tiếp cận các vỉa than.

- Mức thông gió -175, cơ bản sử dụng lại hệ thống đường lò dọc vỉa, xuyên vỉa đá của tầng +0 ÷ -175. Đào bổ sung một số đường lò dọc vỉa, xuyên vỉa mức -175 để kết nối với giếng nghiêng phụ đào mới và phù hợp với phương án mở vỉa.

#### c. Chuẩn bị khai trường:

- Chuẩn bị theo tầng khai thác, mỗi tầng được chia thành các phân tầng. Các lò chợ được chuẩn bị theo sơ đồ khâu giật, phù hợp với phương án chuẩn bị của hệ thống khai thác.

- Giai đoạn xây dựng cơ bản, xây dựng 09 lò chợ với thông số kỹ thuật chủ yếu của các lò chợ như sau:

TT	Tên lò chợ	Chiều dài, m		Chiều dày TB (than sạch), m	Góc dốc TB, độ	HTKT áp dụng	CSTK, tấn/năm
		Theo phương	Theo góc dốc				
I	KHU I						
1	LC I-7-1	360	90	6,44	70	Giàn mềm ZRY	110.000
2	LC I-7-2	535	120	5,82	20	Giá khung	200.000
3	LC I-8-1	510	90	5,79	70	Giàn mềm ZRY	110.000
4	LC I-8-2	382	92	7,31	25	Giá khung	200.000
5	LC I-8-3	377	120	7,31	7	CGH	500.000
II	KHU II						
6	LC II-7-1	440	120	5,83	25	Giá khung	180.000
7	LC II-7-3	520	95	5,83	63	Giàn mềm ZRY	110.000
8	LC II-8-1	570	105	3,82	25	Giá khung	190.000
9	LC II-8-3	450	95	3,82	20	Giá khung	190.000

#### 5.4. Giếng mở, sân ga và hầm trạm

- Giếng nghiêng chính: Được mở từ mặt bằng mức +105 xuống mức -385 với  $L=1.802$  m,  $\alpha=16^0$ ; tiết diện đào/chống: đoạn chống BTCT lưu vì  $25,4/19,5$  m<sup>2</sup>, đoạn chống thép  $24,1/20,9$  m<sup>2</sup>, đoạn chống neo + bê tông phun  $23,3/22,5$  m<sup>2</sup>.

- Giếng nghiêng phụ: Được mở từ mặt bằng mức +105 xuống mức -350 với  $L=1.666$  m,  $\alpha=16^040'$ ; tiết diện đào/chống: đoạn BTCT lưu vì  $28,1/21,2$  m<sup>2</sup>, đoạn chống thép  $26,3/22,9$  m<sup>2</sup>, đoạn chống neo + bê tông phun  $25,4/24,7$  m<sup>2</sup>.

- Ngầm thông gió +139 ÷ -175 được mở từ mặt bằng mức +139 xuống mức -175 với  $L=1.064$  m (trong đó: đoạn lò có góc dốc  $24^0$ , dài 430 m; đoạn lò có góc dốc  $13^030'$ , dài 599 m); chống lò bằng bê tông lưu vì và BTCT, tiết diện đào/chống:  $23,6/17,0$  m<sup>2</sup>.

- Tại chân giếng mức -350 tiến hành mở hệ thống sân ga, hầm trạm với tổng chiều dài 2.992 m, từ đây tiến hành đào hệ thống đường lò dọc vỉa đá, xuyên vỉa đá tới các khu khai thác để tiếp cận các vỉa than.

### 5.5. Vận tải qua giếng và trong lò

#### a. Vận tải qua giếng

- Giếng nghiêng chính +105 ÷ -385:

+ Vận tải than bằng băng tải B=1.200 mm, gồm 02 băng: băng tải số 01 dài 912,5 m, băng tải số 02 dài 885 m, năng suất các băng 666 tấn/giờ.

+ Vận tải người lên xuống bằng tời vô cực chạy nền, chiều dài vận chuyển 1.700 m; chở tối đa 192 người/chuyến.

- Giếng nghiêng phụ +105 ÷ -350:

+ Vận chuyển đất đá, thiết bị vật liệu bằng tời trục một đầu cáp, đường kính tang D=4,0 m, bề rộng tang B=2,7 m, kết hợp với gòong chở đất đá, chở thiết bị.

+ Vận tải người lên xuống bằng tời vô cực chạy nền, chiều dài vận chuyển 1.650 m; chở tối đa 192 người/chuyến.

- Thương trục tải +139 ÷ -175: Sử dụng tời trục một đầu cáp, đường kính tang D=2,5 m, bề rộng tang B=2,0 m, kết hợp với xe gòong để chở đất đá, vật liệu từ mặt bằng +139 xuống mức -175 và ngược lại.

b. Vận tải trong lò: Vận tải người bằng tời vô cực và tàu điện; vận tải thiết bị, vật liệu bằng tời trục, tàu điện kết hợp monoray; vận tải đất đá bằng tời trục và tàu điện; vận tải than bằng băng tải, máng cào, máng trượt.

### 5.6 . Hệ thống khai thác, công tác đào lò

#### a. Hệ thống khai thác (HTKT)

##### a.1. Giai đoạn xây dựng cơ bản (XDCB)

Giai đoạn XDCB, thiết kế lựa chọn các HTKT như sau:

- HTKT cột dài theo phương, lò chợ CGH đồng bộ có thu hồi than nóc, khẩu than bằng máy khẩu hai tang, chống giữ lò chợ bằng giàn tự hành. Áp dụng cho các vỉa than có chiều dày  $\geq 3,5$  m, góc dốc  $\leq 35^\circ$ , đất đá vách bất kỳ, đất đá trụ có độ bền vững trung bình trở lên, điều khiển đá vách bằng phá hoá toàn phần.

- HTKT cột dài theo phương chống giá khung di động (loại có liên kết mềm hoặc giá xích), áp dụng cho các vỉa có chiều dày  $\geq 1,6$  m, góc dốc  $\leq 45^\circ$ , đất đá vách kém ổn định đến ổn định trung bình, mức độ biến đổi chiều dày, góc dốc tương đối ổn định đến ổn định; khẩu than bằng khoan nổ mìn, điều khiển đá vách bằng phá hoá toàn phần.

- HTKT cột dài theo phương, lò chợ xiên chéo, chống bằng giàn mềm, áp dụng cho vỉa có chiều dày từ 1,6 ÷ 10 m, góc dốc trên  $40^\circ$ ; khẩu than bằng khoan nổ mìn, điều khiển đá vách bằng phá hoá toàn phần.

##### a.2. Giai đoạn duy trì công suất thiết kế

Ngoài các HTKT áp dụng trong giai đoạn XDCB nêu trên, trong giai đoạn duy trì công suất thiết kế, nghiên cứu áp dụng một số HTKT khác khi đủ điều kiện, như:

- HTKT cột dài theo phương, lò chợ CGH đồng bộ hạng nhẹ có thu hồi than nóc, khâu than bằng máy khâu.
- HTKT lò dọc vỉa phân tầng, khâu than bằng khoan nổ mìn, chống giữ bằng giá khung di động.
- HTKT chia lớp ngang nghiêng, khâu than bằng khoan nổ mìn, chống giữ lò chợ bằng giá khung di động.
- HTKT cột dài theo phương, chống giữ lò chợ bằng giá khung di động/giá xích, khâu than bằng máy khâu.
- HTKT cột dài theo phương, lò chợ xiên chéo, chống bằng giàn mềm, khâu than bằng máy khâu.

Ngoài ra, trong quá trình duy trì công suất thiết kế, trường hợp có các HTKT tiên tiến, hiệu quả hơn, sẽ nghiên cứu áp dụng để nâng cao hiệu quả Dự án.

b. Công nghệ đào lò: Đào lò cơ giới hóa bằng máy COMBAI đào lò, đào lò thủ công bằng khoan nổ mìn.

#### 5.7. Thông gió mỏ

- Cấp khí mỏ: Mỏ xếp loại I về khí CH<sub>4</sub>.
- Sử dụng sơ đồ thông gió trung tâm, phương pháp thông gió hút. Gió sạch đi vào mỏ qua cặp giếng nghiêng chính và phụ, sau đó theo hệ thống đường lò dọc vỉa, xuyên vỉa mức -350 tới thông gió cho các lò chợ. Gió thải thoát ra từ lò chợ, theo hệ thống đường lò dọc vỉa, xuyên vỉa thông gió mức -175 và được hút ra ngoài qua trạm quạt gió chính đặt tại Rãnh gió +139 (xây dựng mới).
- Thông số trạm quạt gió chính: Trạm quạt gió tại Rãnh gió +139 gồm 02 quạt FBDCZ-8-No32 (01 làm việc và 01 dự phòng).
- Thông gió cho các gương đào lò bằng các quạt gió cục bộ, phương pháp thông gió đẩy.

#### 5.8. Tháo khô, thoát nước khai trường

- Giải pháp thoát nước trong lò: Duy trì các hầm bơm của dự án tầng trên như: hầm bơm mức +0, mức -10 và mức -175; xây dựng mới hầm bơm mức -350 để thoát nước cho tầng -175 ÷ -350 của dự án. Theo đó, nước từ các lò chứa nước mức -350 sẽ được bơm cưỡng bức qua hệ thống đường ống được lắp đặt tại giếng nghiêng phụ lên mặt bằng +105 và được đưa về hồ xử lý nước thải tập trung của Công ty Môi trường - TKV hiện có.

- Trang thiết bị cho hầm bơm:

+ Máy bơm: Hầm bơm mức -350 gồm 03 tổ hợp (mỗi tổ hợp gồm 03 bơm), có thông số kỹ thuật như sau:  $Q = 550/720/850 \text{ m}^3/\text{h}$ ;  $H = 660/600/540 \text{ m}$ .

+ Đường ống dẫn: Số lượng tuyến ống đẩy thoát nước cho hầm bơm mức -350 là 03 tuyến, đường kính ống 500 mm, áp suất từ 16 ÷ 64 at (02 làm việc, 01 dự phòng); vật liệu là

thép đúc, ống phức hợp chịu mài mòn Polyethylene hoặc vật liệu khác có tiêu chuẩn tương đương.

### 5.9. Cung cấp điện, nước, khí nén

#### a. Cung cấp điện:

##### - Nguồn điện lưới:

+ Khi TBA 220 kV Khe Thần chưa xây dựng (TBA Khe Thần đã có trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2025), nguồn điện lưới phục vụ Dự án sẽ được lấy từ TBA 110 kV Uông Bí thông qua 03 lộ tuyến, trong đó: 02 lộ tuyến 372, 373 hiện có (sẽ được Điện lực tỉnh Quảng Ninh nâng cấp tiết diện tuyến đường dây lên AC-150) và 01 lộ tuyến mới sẽ được Điện lực tỉnh Quảng Ninh xây dựng.

+ Khi TBA 220 kV Khe Thần được đầu tư xây dựng, điện lưới sẽ được bổ sung thêm nguồn từ TBA Khe Thần bằng 02 lộ tuyến được đầu tư, xây dựng mới.

- Nguồn điện dự phòng: Xây dựng mới Trạm phát điện Diesel tại MBSCN mức +105 với 05 tổ hợp máy phát, công suất mỗi máy 2.500 kW. Ngoài ra, khi cần thiết có thể huy động thêm nguồn dự phòng từ các trạm phát điện Diesel hiện có khu giếng Vàng Danh, gồm: 07 tổ hợp máy phát diesel, công suất mỗi máy 2500 kVA và khu giếng Cánh Gà, gồm 02 tổ hợp máy phát diesel, công suất mỗi máy 2500 kVA.

- Đầu tư mới các TBA, TPP và hệ thống đường dây đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định cho các hộ tiêu thụ.

#### b. Cung cấp nước, thải nước:

##### - Cung cấp nước:

+ Nước phục vụ sản xuất và cứu hỏa được lấy từ Trạm xử lý nước thải hầm lò, công suất 3000 m<sup>3</sup>/h dẫn về 02 bể, dung tích mỗi bể 300 m<sup>3</sup> (01 bể cấp nước cứu hỏa, 01 bể cấp nước sản xuất) tại mặt bằng +165. Từ đây nước được hệ thống ống dẫn cấp tới các hộ tiêu thụ trên MB +105 và trong lò nhờ chênh cao địa hình.

+ Nước sinh hoạt (tắm, giặt sấy) được lấy từ Trạm xử lý nước sinh hoạt công suất 2000 m<sup>3</sup>/ng.đ dẫn về bể chứa nước dung tích 200 m<sup>3</sup> tại MB +165. Từ đây nước tự chảy xuống MB +105 nhờ chênh cao địa hình.

+ Nước phục vụ ăn uống, được đầu nối trực tiếp với hệ thống đường ống nước sạch của địa phương.

##### - Thải nước:

+ Toàn bộ nước thải sinh hoạt trên mặt bằng được xử lý tại Trạm xử lý nước thải công suất 650 m<sup>3</sup>/ng.đ xây dựng mới tại MB +105.

+ Nước thải hầm lò được bơm, dẫn về Trạm xử lý nước thải công suất 3000 m<sup>3</sup>/h hiện có của Công ty Môi trường - TKV.

#### c. Cung cấp khí nén:

Sử dụng lại Nhà trạm nén khí cố định tại mặt bằng +110, đầu tư bổ sung 05 máy nén khí trực vít (04 máy làm việc, 01 máy dự phòng), lưu lượng mỗi máy 61,7 m<sup>3</sup>/phút.

### 5.10. Tổng mặt bằng và vận tải ngoài

#### a. Tổng mặt bằng:

- Sử dụng lại mặt bằng sân công nghiệp mức +110 và các MBSCN hiện có của mỏ.
- Xây dựng mới MBSCN mức +105, diện tích khoảng 13,17 ha; mặt bằng cửa gió mức +139, diện tích khoảng 1,72 ha.

b. Vận tải ngoài: Giải pháp vận tải ngoài, cơ bản như vận hành hiện nay, chủ yếu bằng ô tô.

### 5.11. Chế biến than

Than nguyên khai được sàng sơ bộ tại MBSCN +105 để loại bỏ bột đất đá, than quá cỡ, sau đó toàn bộ sản phẩm dưới sàng sẽ được chuyển bằng băng tải về nhà máy sàng tuyển than Vàng Danh 2 (công suất 2,0 triệu tấn/năm). Đất đá thải sau sàng tuyển được vận chuyển bằng ô tô ra bãi thải +200 (dung tích 823.150 m<sup>3</sup>) và bãi thải +320 (dung tích 22.697.198 m<sup>3</sup>).

Khi dự án khai thác hầm lò tầng -50 ÷ -175 khu Cánh Gà ra than, đạt công suất thiết kế, một phần than của Dự án sẽ được điều tiết về Nhà máy tuyển Vàng Danh 1 để sàng tuyển, thông qua hệ thống băng tải sẽ được đầu tư trong giai đoạn sau.

### 5.12. Thông tin liên lạc, tự động hóa

#### a. Thông tin liên lạc

- Tại khu vực văn phòng sử dụng lại các thuê bao điện thoại trực thuộc Bưu điện Ưông Bí trang bị cho các phòng ban.
- Đầu tư mới hệ thống thông tin liên lạc kỹ thuật số, tổng đài trung tâm tích hợp các hệ thống: hệ thống liên lạc bằng điện thoại cố định IP, hệ thống liên lạc bằng điện thoại di động, hệ thống phát thanh, hệ thống camera giám sát.

#### b. Tự động hóa

Đầu tư phòng điều khiển tập trung tại tầng Nhà điều hành sản xuất mặt bằng +105, tại đây trang bị hệ thống máy tính chủ và các thiết bị truyền dẫn trung gian kết nối đồng bộ với hệ thống điều khiển tự động của trạm bơm, trạm quạt, trạm điện, trạm nén khí, tời trục, băng tải chính, hệ thống giám sát, cảnh báo khi để thu thập toàn bộ dữ liệu về hình ảnh, trạng thái và thông số vận hành của các thiết bị.

6. Địa điểm xây dựng: phường Vàng Danh, tỉnh Quảng Ninh.

7. Tổng mức đầu tư (TMĐT): 7.376.652.151 nghìn đồng, trong đó:

TT	Nội dung chi phí	Giá trị (1000 đ)		
		Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	54.759.211	37.921	54.797.132
2	Chi phí xây dựng	3.275.972.212	327.597.221	3.603.569.433
	- Trong lò	2.980.117.796	298.011.780	3.278.129.576
	- Mặt bằng	295.854.415	29.585.442	325.439.857
3	Chi phí thiết bị	1.258.613.585	125.861.359	1.384.474.944
	- Trong lò	1.025.616.121	102.561.613	1.128.177.734
	- Mặt bằng	232.997.464	23.299.746	256.297.210



TT	Nội dung chi phí	Giá trị (1000 đ)		
		Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế
4	Chi phí quản lý dự án	32.449.577	3.244.958	35.694.535
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình	157.625.789	15.759.614	173.385.403
6	Chi phí khác	1.110.090.867	2.291.017	1.112.381.884
	- Các chi phí khác	81.487.747	2.291.017	83.778.764
	- Lãi vay thời gian xây dựng cơ bản	1.028.603.120		1.028.603.120
7	Chi phí dự phòng	1.012.348.820		1.012.348.820
	- Dự phòng cho các khối lượng phát sinh	318.210.167		318.210.167
	- Dự phòng theo yếu tố trượt giá	694.138.653		694.138.653
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.901.860.061</b>	<b>474.792.090</b>	<b>7.376.652.151</b>

8. Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay thương mại 70% (tối đa 70% TMĐT) và vốn chủ sở hữu (tối thiểu 30% TMĐT).